

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/KDTM - ST
Ngày: 24-7-2019
V/v “Tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thanh Phương

Bà Hồ Thị Kim Ngân

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lương Thị Liên – Là Thư ký
Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai tham gia
phiên tòa:** Ông Vũ Đình Tứ – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 01/2019/TLST-KDTM ngày 09/01/2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2019/QĐXXST-KDTM ngày 06 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2019/QĐST-KDTM ngày 29/5/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2019/QĐST-KDTM ngày 26/6/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần DIC Đ

Địa chỉ: Lô 17, khu công nghiệp N 2, tỉnh lộ 25B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Anh Đ. Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1983

Địa chỉ: 84A/36 Trần Hữu Trang, phường 10, Quận P, TP. Hồ Chí Minh.
(Theo văn bản ủy quyền ngày 29/5/2019).

- Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên xây dựng thương mại N

Địa chỉ: Số 246 ấp 1, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn A. Chức vụ: Giám đốc.

(Ông L và ông A vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/10/2018, nguyên đơn Công ty cổ phần DIC Đ do ông Nguyễn Văn L đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 20/6/2016 Công ty cổ phần DIC Đ (sau đây gọi tắt là Công ty Đ) có ký hợp đồng số 70NT/2016/HĐKT về việc mua bán bê tông thương phẩm với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên xây dựng thương mại N (sau đây gọi tắt là Công ty N). Nội dung hợp đồng là Công ty Đ cung cấp bê tông thương phẩm cho Công ty N tại khu công nghiệp N 2 gồm: bê tông mác 150, bê tông mác 200, bê tông mác 250 và bê tông mác 300 cùng các dịch vụ gồm: phụ gia đông kết nhanh R4, phụ gia đông kết nhanh R7, phụ gia chống thấm, bơm khối lượng $\leq 30\text{m}^3/\text{lần}$ bơm, bơm khối lượng $\geq 30\text{m}^3/\text{lần}$ bơm, nếu độ sụt tăng 2cm, khối lượng cung cấp 01 xe $\leq 3\text{m}^3$ cộng thêm. Giá trị hợp đồng sẽ tính theo khối lượng bê tông cung cấp thực tế x đơn giá trong hợp đồng. Chất lượng bê tông theo tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành. Việc giao nhận hàng tại khu công nghiệp N 2, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Hình thức thanh toán tiền bằng chuyển khoản hoặc bằng tiền mặt. Bên Công ty N có trách nhiệm tạm ứng 50% tổng giá trị khối lượng bê tông từng đợt và thanh toán số tiền còn lại cho Công ty Đ trong vòng 05 ngày kể từ ngày Công ty Đ xuất hóa đơn.

Thực hiện hợp đồng, Công ty Đ đã nhiều lần giao bê tông thương phẩm cho Công ty N từ tháng 6/2016 đến tháng 8/2016, cụ thể như sau:

+ Ngày 19/06/2016 Công ty Đ đã giao 4m^3 bê tông mác M100/28 có độ sụt (10 ± 2) , đơn giá là $900.000\text{đ}/\text{m}^3$, thành tiền là $3.600.000\text{đ}$ và giao 9m^3 bê tông mác M200/B6 (10 ± 2) có phụ gia chống thấm với đơn giá $1.035.000\text{đ}/\text{m}^3$, thành tiền là $9.315.000\text{đ}$. Ngày 29/06/2016 Công ty Đ đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty N với số tiền là $14.206.500\text{đ}$ (Mười bốn triệu hai trăm lẻ sáu nghìn năm trăm đồng).

+ Ngày 23/06/2016, Công ty Đ đã giao số lượng bê tông theo yêu cầu cho Công ty N là $61,5\text{m}^3$ bê tông Mác M250/28 (10 ± 2) với đơn giá $1.020.000\text{đ}/\text{m}^3$, thành tiền là $62.730.000\text{đ}$ và giao 10m^3 bê tông Mác M200/B6 (10 ± 2) kèm phụ gia chống thấm với đơn giá $1.035.000\text{đ}/\text{m}^3$, thành tiền là $10.350.000\text{đ}$. Ngày 26/06/2016 giao 9m^3 bê tông mác M300/28 (10 ± 2) với đơn giá $1.080.000\text{đ}/\text{m}^3$, thành tiền là $9.720.000\text{đ}$. Ngày 30/06/2016 Công ty Đ đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty N với số tiền là $91.080.000\text{đ}$ (Chín mươi một triệu không trăm tám mươi nghìn đồng).

+ Ngày 14/07/2016 Công ty Đ đã giao số lượng bê tông theo yêu cầu cho Công ty N là 29m^3 bê tông mác M200/28 (10 ± 2) , có đơn giá $960.000\text{đ}/\text{m}^3$, thành tiền là $27.840.000\text{đ}$ và có 1 xe đã giao có khối lượng dưới 3m^3 nên tính thêm tiền theo chuyển với đơn giá thỏa thuận trong hợp đồng là $500.000\text{đ}/\text{chuyến}$. Ngày 23/07/2016 giao 25m^3 bê tông mác M300/7 (10 ± 2) đã bao gồm phụ gia chống

thấm với đơn giá 1.155.000đ/m³, thành tiền là 28.875.000đ. Ngày 31/07/2016 Công ty Đ đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty N với số tiền là 62.936.500đ (Sáu mươi hai triệu chín trăm ba mươi sáu ngàn năm trăm đồng).

+ Ngày 04/08/2016 Công ty Đ đã giao cho Công ty N bê tông mác M250/28 (10±2) với số lượng là 11m³, do khối lượng đặt (11m³ ≤ 30m³) nên Công ty N phải chịu thêm tiền bơm. Ngày 08/08/2016 đã giao bê tông mác M250/28 (10±2) đổ xả 4m³, ngày 10/08/2016 giao 6.5m³ mác M250/28 (10±2) đổ xả, ngày 12/08/2016 Công ty N đặt 2m³ bê tông mác M250/28 (10±2) ≤ 3m³ nên phải chịu thêm tiền tính theo chuyến. Ngày 18/08/2016 Công ty N đặt 10m³ bê tông mác M250/28 (10±2) ≤ 30m³ nên phải chịu thêm tiền bơm. Ngày 22/08/2016 giao 4.5m³ bê tông mác M250/28 (10±2) đổ xả. Ngày 24/08/2016 đặt 2.5m³ bê tông mác M200/28 (10±2) ≤ 3m³ nên phải chịu thêm tiền tính theo chuyến. Ngày 30/08/2016 đã giao bê tông mác M200/7 (10±2) là 4m³ đổ xả. Tóm lại, trong tháng 8/2016, tổng khối lượng bê tông mác M250/28 (10±2) Công ty Đ đã giao cho Công ty N là 38m³ có đơn giá là 1.020.000đ/m³, thành tiền là 38.760.000đ. Tổng khối lượng bê tông Mác M200/28 (10±2) đã giao là 2.5m³, có đơn giá 960.000đ/m³, thành tiền là 2.400.000đ. Tổng khối lượng bê tông Mác M200/7 (10±2) đã giao là 4m³, có đơn giá là 1.035.000đ/m³, thành tiền là 4.140.000đ. Khối lượng bê tông đổ xả dưới 3m³ là 2 chuyến, đơn giá của 1 chuyến là 500.000đ/chuyến, thành tiền là 1.000.000đ. Và 2 ca bơm dưới 30m³, tiền ca bơm là 2.800.000đ/ca, thành tiền là 5.600.000đ. Ngày 31/08/2016 Công ty Đ đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty N với số tiền là: 57.090.000đ (Năm mươi bảy triệu không trăm chín mươi nghìn đồng).

Tổng giá trị hợp đồng được tính theo khối lượng bê tông mà Công ty Đ đã cấp cho Công ty N là 14.206.500 + 91.080.000 + 62.936.500 + 57.090.000 = 225.313.000đ (Hai trăm hai mươi lăm triệu, ba trăm mười ba nghìn đồng) tương ứng tổng số tiền trên hóa đơn mà Công ty Đ đã xuất cho Công ty N (gồm số hóa đơn 00001955 ngày 29/6/2016, số 0000014 ngày 30/6/2016, số 0000129 ngày 31/7/2016, số 0000211 ngày 31/8/2016). Công ty N đã thanh toán cho Công ty Đ 3 lần bằng chuyển khoản ngân hàng vào các ngày 20/06/2016, 21/06/2016 và 31/08/2016 với tổng số tiền là 120.394.000đ (Một trăm hai mươi triệu ba trăm chín mươi bốn nghìn đồng). Trong đó hóa đơn số 0000129 Công ty N đã thanh toán được 29.314.000đ còn lại 33.622.500đ (Ba mươi ba triệu sáu trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng) vẫn chưa thanh toán cho Công ty Đ. Và thanh toán 1 lần bằng tiền mặt 14.206.500đ (Mười bốn triệu hai trăm lẻ sáu nghìn năm trăm đồng) vào ngày 21/06/2016 cho hóa đơn số 0001955. Tổng số tiền Công ty N đã thanh toán là 120.394.000 + 14.206.500 = 134.600.500đ (Một trăm ba mươi bốn triệu, sáu trăm nghìn năm trăm đồng). Số tiền còn lại Công ty N còn chưa thanh toán cho Công ty Đ là 90.712.500đ (Chín mươi triệu bảy trăm mười hai nghìn năm trăm đồng).

Đến ngày 04/6/2019 và ngày 29/6/2019, Công ty N thanh toán cho Công ty Đ số tiền 4.000.000đ. Do đó, nay Công ty Đ yêu cầu Công ty N phải có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ là 86.712.500đ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/6/2019 ông Nguyễn Văn A là người đại diện theo pháp luật Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên xây dựng thương mại N trình bày:

Công ty N có ký hợp đồng mua bán bê tông thương phẩm với Công ty Đ, giữa hai bên đã thỏa thuận là hàng tháng Công ty N trả cho Công ty Đ số tiền 2.000.000đ. Tổng số nợ hiện nay Công ty N còn nợ Công ty Đ là 88.712.500đ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Đ, buộc Công ty N phải thanh toán số tiền còn nợ là 86.712.500đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Công ty Đ do ông Nguyễn Văn L đại diện, ông Lâm có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn Công ty N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, áp dụng Điều 277 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Công ty Đ và Công ty N.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thể hiện giữa Công ty Đồng Tiền và Công ty N có ký hợp đồng số 70NT/2016/HĐKT ngày 20/6/2016 về việc mua bán bê tông thương phẩm với Công ty N. Nội dung hợp đồng là Công ty Đ cung cấp bê tông thương phẩm gồm: bê tông mác 150, bê tông mác 200, bê tông mác 250 và bê tông mác 300 cùng các dịch vụ gồm: phụ gia đông kết nhanh R4, phụ gia đông kết nhanh R7, phụ gia chống thấm, bơm khối lượng $\leq 30\text{m}^3/\text{lần}$ bơm, bơm khối lượng $\geq 30\text{m}^3/\text{lần}$ bơm, nếu độ sụt tăng 2cm, khối lượng cung cấp 01 xe $\leq 3\text{m}^3$ cộng thêm. Giá trị hợp đồng sẽ tính theo khối lượng bê tông cung cấp thực tế. Chất lượng bê tông theo tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành. Việc giao nhận hàng tại khu công nghiệp N 2, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Hình thức thanh toán tiền bằng mặt hoặc chuyển khoản. Bên Công ty N có trách nhiệm tạm ứng 50% tổng giá trị khối lượng bê tông từng đợt cho Công ty Đ và thanh toán số tiền còn lại trong vòng 05 ngày kể từ ngày Công ty Đ xuất hóa đơn.

Thực hiện hợp đồng, Công ty Đ đã nhiều lần giao bê tông thương phẩm cho Công ty N từ tháng 6/2016 đến tháng 8/2016. Tổng giá trị theo các hóa đơn giá trị gia tăng do Công ty Đ cung cấp là 225.313.000đ. Công ty N đã thanh toán

cho Công ty Đ số tiền 138.600.500đ. Hiện nay Công ty N còn nợ Công ty Đ số tiền là 86.712.500đ.

Nay Công ty Đ yêu cầu Công ty N phải có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ là 86.712.500đ. Tại bản khai ngày 12/6/2019, ông Nguyễn Văn Ảnh là người đại diện theo pháp luật của Công ty N cũng thừa nhận là Công ty N còn nợ Công ty Đ số tiền 88.712.500đ. Đến ngày 29/6/2019 Công ty N thanh toán tiếp cho Công ty Đồng Tiền số tiền 2.000.000 đ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Đ, buộc Công ty N có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Đ số tiền 86.712.500đ.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Công ty Đ được chấp nhận nên bị đơn Công ty N phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 4.335.625 đồng. Hoàn trả cho Công ty Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Ý kiến của Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án là đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ là 86.712.500đ là phù hợp với nhận định nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 50 và Điều 306 Luật thương mại năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” của nguyên đơn Công ty cổ phần DIC Đ đối với bị đơn trách Công ty nhiệm hữu hạn một thành viên xây dựng thương mại N.

Xử buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên xây dựng thương mại N phải thanh toán cho Công ty cổ phần DIC Đ số tiền 86.712.500đồng (Tám mươi sáu triệu bảy trăm mười hai nghìn năm trăm đồng).

2. Về án phí: Công ty N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 4.335.625 đồng (Bốn triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn đồng). Hoàn trả cho Công ty Đ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.268.000 (Hai triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn đồng) theo biên lai số 0000189 ngày 09/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Kể từ ngày Công ty Đ có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty N chưa thanh toán số tiền nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Lâm